**Tuần: 9**

Môn: TV(HV)

Tên bài:  **ôm, ôp**

Tiết: 102, 103

Ngày dạy: Ngày 1 tháng 11 năm 2023

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết các vần ôm, ôp; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần ôm, ôp.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần ôm, vần ôp.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc Chậm... như thỏ.

- Viết đúng các vần ôm, ôp và các tiếng tôm, hộp (sữa) (trên bảng con).

**2. Phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, yêu động vật.

- Kiên nhẫn, biết quan sát và viết đúng nét.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

\*GV: SGK, SGV, bộ chữ, tranh ảnh, vật thực ,bảng cài, bộ thẻ chữ,

\* HS: SGK, bảng con, phấn, bút, vở Bài tập Tiếng Việt 1- tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Hoạt động mở đầu: 3’**  - Học sinh hát  - Giới thiệu bài: vần ôm, ôp.  **3.Hoạt động luyện tập thực hành: 13’**  a. Dạy vần **ôm**:  - HS đọc từng chữ ô - mờ - ôm. / Phân tích vần ôm. / Đánh vần: ô - mờ - ôm / ôm.  - Cho HS nhìn hình, hỏi: Trnh vẽ con gì?  - HS nói: *tôm.* / Phân tích tiếng tôm. / Đánh vần: tờ - ôm - tôm */* tôm. Đánh vần, đọc trơn lại: ô - mờ - ôm / tờ - ôm - tôm / tôm.  b. Dạy vần **ôp**: (như vần ôm)  - Phân tích vần ôp. / Đánh vần: ô - pờ - ôp. / Đánh vần: hờ - ôp - hôp - nặng - hộp.  - Cho HS nhìn sách, hỏi: Đây là cái gì?  - Đánh vần, đọc trơn: ô - pờ - ôp / hờ - ôp - hôp - nặng - hộp / hộp sữa.  **\* Củng cố:** HS nói 2 vần mới học: ôm, ôp, 2 tiếng mới học: tôm, hộp.  **3.Hoạt động luyện tập thực hành: 19’**  \* Mở rộng vốn từ (BT 2: Tiếng nào có vần ôm? Tiếng nào có vần ôp?)  - HS nhìn hình, đọc: *lốp xe, cốm, đốm lửa,...*  - GV giải nghĩa: *cốm* (thóc nếp non rang chín, giã sạch vỏ, màu xanh, hương vị thơm ngon), *đồ gốm* (sản phẩm làm từ đất sét, đưa vào lò nung).  - HS tìm tiếng có vần ôm, vần ôp; làm bài trong VBT. / 2 HS nói kết quả.  - GV chỉ từng tiếng, cả lớp: *Tiếng lốp (xe) có vần ôp. Tiếng cốm có vần ôm,...*  \*Tập viết: (bảng con – BT4)  a. HS nhìn bảng đọc các vần, tiếng: ôm, ôp, tôm, hộp sữa.  b. Viết vần ôm, ôp: 1 HS nói cách viết vần ôm. / GV viết mẫu, hướng dần: viết ô trước, m sau; các con chữ ô, m đều cao 2 li; lưu ý viết ô và m không gần hay xa quá. / Làm tương tự với vần ôp.  - HS viết bảng con: ôm, ôp (2 lần).  c. Viết tiếng: tôm, hộp sữa (như mục b)  - GV viết tôm: viết t trước (cao 3 li), vần ôm sau.  - GV viết hộp: viết h cao 5 li, p cao 4 li, dấu nặng đặt dưới chữ ô.  - HS viết bảng: tôm, hộp (sữa).  - GV cùng HS nhận xét  *Tiết 2*  \* Tập đọc: (BT3) **(31’)**  a.GV đưa bài đọc lên bảng lớp, giới thiệu bài  b. GV đọc bài: giọng vui, chậm rãi  c.Luyện đọc từ ngữ (vài lượt): mổ mổ, liếm la, nhu mì, gã cọp, phốp pháp, ốm o, la to, chậm, lẹ.  d.Luyện đọc câu:  - GV: Bài có 10 dòng thơ.  - (Đọc vỡ từng câu) GV chỉ 2 dòng thơ một cho 1 HS đọc, cả lớp đọc.  - Đọc tiếp nối 2 dòng thơ một (mỗi cá nhân / mồi cặp HS đều đọc 2 dòng thơ).  e.Thi đọc đoạn, bài:  - Từng cặp HS luyện đọc trước khi thi.  - Từng cặp / tổ thi đọc tiếp nối 2 đoạn (4 dòng / 6 dòng).  - Từng cặp / tổ thi đọc cả bài. /1 HS đọc cả bài. / Cả lớp đọc đồng thanh.  g.Tìm hiểu bài đọc  h. Nói ngược (như SGK)  - GV đưa nội dung BT lên bảng lớp; nêu YC: Trong bài vè, 2 dòng thơ tạo thành một  cặp, có nội dung trái ngược nhau, trái ngược với thực tế. GV chỉ từng dòng, đọc 2 chữ đầu câu, cả lớp nói tiếp để hoàn thành các câu nói ngược.  i. Nói đúng thực tế  - GV đọc 2 dòng thơ đầu, sau đó hỏi: Nói đúng sự thật thì phải thế nào?  - GV nhận xét  - HS đọc lại bài tập đọc  **3. Hoạt động vân dụng thực hành: 2’**  Tìm tiếng có vần ôm, ôp trong các từ sau: con tôm, hộp bút,….  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp: 2’**  - Hôm nay ta học vần gì mới?  - Xem trước bài 49 để tiết sau học | - HS hát  - HS lắng nghe  -HS đọc, phân tích, đánh vần  - Con tôm  -HS nói, phân tích, đánh vần  -HS đọc, phân tích, đánh vần  - Hộp sữa  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS nói: ôm, ôp, tôm, hộp  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS làm vào vở BT  - Cả lớp nói  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con  -HS lắng nghe  - HS theo dõi  - HS đọc  - HS đọc vỡ  - Đọc nối tiếp câu  - HS thi đọc  - HS thực hiện  - HS trả lời  - HS tìm  - HS trả lời  - HS lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau bài học:**

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………